

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện năm 2025	Dự toán năm 2026	So sánh	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4 = 3-2	5 = 3/2*100
	NGÂN SÁCH XÃ					
I	Nguồn thu ngân sách	134.872	195.958	148.925,4	-42.548	76,0
1	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	1.053	1.928	7.312,0	5.384	379,3
-	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.053	1.928	7.312,0	5.384	379,3
-	Thu quản lý qua ngân sách					
2	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	133.819	189.546	141.613,4	-47.932	74,7
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	114.960	114.960	126.754,0	70	110,3
-	Thu bổ sung có mục tiêu	18.859	74.586	14.859,4		
3	Thu kết dư		561			
4	Thu chuyển nguồn năm trước sang		3.923			
II	Chi ngân sách	135.607	192.208	148.925,4	-43.282	77,5
1	Chi thuộc nhiệm vụ chi của NS xã, phường	135.607	183.959	148.925,4	-35.033	81,0
2	Chi quản lý qua ngân sách					
3	Chi chuyển nguồn năm sau		8.249			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2025				Dự toán năm 2026				So sánh (%)			
		Tổng số	bao gồm			Tổng số	bao gồm			Tổng số	bao gồm		
			Thu nội địa	Thu từ hoạt động XNK	Thu quản lý qua NS		Thu nội địa	Thu từ hoạt động XNK	Thu quản lý qua NS		Thu nội địa	Thu từ hoạt động XNK	Thu quản lý qua NS
a	b	1	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8	9=5/1	10=6/2	11=7/3	12=8/4
	TỔNG SỐ	1.929	1.929	-	-	8.262	8.262	-	-	428,30	428,30		
1	Thuế cơ sở 5 tỉnh Tuyên Quang	1.736	1.736			8.212	8.212			473,04	473,04		
2	Thu phạt, thu khác các ngành thực hiện (Phòng kinh tế, Công an , Quản lý thị trường...)	193	193			50	50			25,91	25,91		

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỪNG XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	I. Thu nội địa	Bao gồm															II. Thu từ hoạt động XNK	III. Thu quản lý qua NS
				1. Thu từ DNNN TW quản lý	2. Thu từ DNNN địa phương quản lý	3. Thu từ doanh nghiệp và tổ chức kinh doanh	4. Thu từ hộ gia đình và cá nhân kinh doanh	5. Lệ phí trước bạ	6. Thuế SD đất phi NN	7. Thuế Thu nhập cá nhân	8. Thuế bảo vệ môi trường	9. Phí, lệ phí	10. Thu tiền sử dụng đất	11. Tiền thuê mặt đất, mặt nước	12. Thu khác ngân sách	13. Thu tại xã	14. Thu cấp quyền khai thác khoáng sản	15. Thu XSKT		
a	b	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ	8.262	8.262	-	-	1.120	234	3.324	1	483	-	50	3.000	-	50	-	-	-	-	-
1	Thuế cơ sở 5 tỉnh Tuyên Quang	8.212	8.212			1.120	234	3.324	1	483		50	3.000							
2	Thu các ngành thực hiện (Công an, Phòng Kinh tế , Quản lý thị trường...)	50	50												50					

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO CƠ CẤU CHI
NĂM 2026**

(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Quang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách xã năm 2026
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	148.925,4
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ	134.066,0
I	Chi đầu tư phát triển	4.020,0
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.020,0
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.150,0
-	Chi khoa học và công nghệ	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	2.550,0
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	126.735,1
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	89.374,7
2	Chi khoa học và công nghệ	100,0
III	Dự phòng ngân sách	2.681,3
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	629,6
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	14.859,4
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	14.859,4
1	Chi đầu tư để thực hiện chương trình, nhiệm vụ (từ thu tiền sử dụng đất)	1.310,0
2	Kinh phí hỗ trợ chính sách cho học sinh và nhà trường theo ND 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ	4.747,9
3	Chính sách trợ giúp các đối tượng BTXH theo ND 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính Phủ	2.207,5
4	Kinh phí chi tiền lương giáo viên tăng thêm	4.363,0
5	Pháp lệnh người có công	2.128,0
6	Kinh phí hỗ trợ địa phương sản xuất đất lúa	103,0
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	
D	Chi từ các khoản thu quản lý qua NSNN	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán xã Tân Quang
A	B	1
	TỔNG CHI NSDP	148.925,4
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	148.925,4
I	Chi đầu tư phát triển	5.330,0
1	Chi đầu tư cho các dự án	5.330,0
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.792,0
-	Chi văn hóa thông tin	603,0
-	Chi thể dục thể thao	162,0
-	Chi các hoạt động kinh tế	1.373,0
-	Chi đầu tư khác	1.400,0
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế,	
3	Chi đầu tư phát triển khác	-
II	Chi thường xuyên	140.284,5
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	98.426,4
2	Chi khoa học, công nghệ và chuyển đổi số	100,0
3	Chi quốc phòng	1.120,7
4	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	1.117,6
5	Chi y tế, dân số và gia đình	-
6	Chi văn hóa thông tin	130,0
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	30,0
8	Chi thể dục thể thao	30,0
9	Chi bảo vệ môi trường	1.095,0
10	Chi các hoạt động kinh tế	3.286,3
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	23.570,0
12	Chi bảo đảm xã hội	10.911,5
13	Chi khác ngân sách	467,0
III	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
IV	Dự phòng ngân sách	2.681,3
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	629,6
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	148.925,4	5.330,0	140.284,5	-	-	2.681,3	629,6	-	-	-	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	127.482,1	5.330,0	122.152,1	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Văn phòng Đảng ủy xã	5.883,0		5.883,0					-			
2	Ủy ban Mặt trận tổ quốc	2.763,3		2.763,3					-			
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	20.007,7	5.330,0	14.677,7					-			
4	Phòng Kinh tế	3.354,3		3.354,3					-			
5	Phòng Văn hóa - Xã hội	12.054,7		12.054,7					-			
6	Trường Mầm non Tân Lập	6.657,3		6.657,3					-			
7	Trường Mầm non Tân Quang	8.661,8		8.661,8					-			
8	Trường Mầm non Tân Thành	9.685,5		9.685,5					-			
9	Trường PT DTBT Tiểu học Tân Lập	11.134,3		11.134,3					-			
10	Trường Tiểu học Tân Quang	11.681,1		11.681,1					-			
11	Trường Tiểu học và THCS Tân Thành	19.138,8		19.138,8					-			
12	Trường THCS Tân Quang	8.619,1		8.619,1					-			
13	Trường PT DTBT THCS Tân Lập	6.517,0		6.517,0					-			
14	Trung tâm dịch vụ công	1.229,3		1.229,3								
15	Trung tâm học tập cộng đồng xã	25,0		25,0								
16	Công an xã	70,0		70,0								
II	CHI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ PHÁT SINH	18.132,4	-	18.132,4	-	-	-	-	-	-	-	
1	Chi khác ngân sách	467,0		467,0								

[illegible]

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
									Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	5.330,0	1.792,0	603,0	-	162,0	-	2.773,0	1.373,0	-	-	-
1	Văn phòng HĐND và UBND xã	3.154,0	1.150,0					2.004,0	604,0			
2	Phòng Kinh tế	2.176,0	642,0	603,0		162,0		769,0	769,0			

DỰ TOÁN CHI THUỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 32/NQ-HĐND ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Tân Quang)

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]